

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

| Nội dung đánh giá                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa:</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                 |
| Tính đáp ứng của hàng hóa chào thầu       | <p>Có bảng cam kết các đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu đáp ứng yêu cầu của Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.</p> <p>Có Giấy chứng nhận ISO 19752&amp;19798: Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm đếm trang in với Mực laser trắng đen còn hiệu lực của nhà sản xuất.</p> <p>Có Giấy chứng nhận ISO 9001: Chứng nhận về Hệ thống quản lý chất lượng còn hiệu lực của nhà sản xuất (đối với giấy in, mực in).</p> <p>Có Giấy chứng nhận ISO 14001: Chứng nhận về Hệ thống quản lý môi trường còn hiệu lực của nhà sản xuất (đối với giấy in, mực in).</p> <p>Có Giấy chứng nhận RoHS: Chứng nhận về việc hạn chế chất thải nguy hại còn hiệu lực của nhà sản xuất (đối với giấy in, mực in).</p> | <b>Đạt</b>                      |
|                                           | <p>Không có bảng cam kết các đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu đáp ứng yêu cầu của Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.</p> <p>Hoặc không có Giấy chứng nhận ISO 19752&amp;19798: Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Không đạt</b>                |

| <b>Nội dung đánh giá</b>                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|                                                                                                            | <p>đếm trang in với Mực laser trắng đen còn hiệu lực của nhà sản xuất.</p> <p>Hoặc không có Giấy chứng nhận ISO 9001: Chứng nhận về Hệ thống quản lý chất lượng còn hiệu lực của nhà sản xuất (đối với giấy in, mực in).</p> <p>Hoặc không có Giấy chứng nhận ISO 14001: Chứng nhận về Hệ thống quản lý môi trường còn hiệu lực của nhà sản xuất (đối với giấy in, mực in).</p> <p>Hoặc không có Giấy chứng nhận RoHS: Chứng nhận về việc hạn chế chất thải nguy hại còn hiệu lực của nhà sản xuất (đối với giấy in, mực in).</p> |                                        |
| <b>2. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                        |
| Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu Mẫu số 01A - Phạm vi cung cấp hàng hóa (webform trên hệ thống) của E-HSMT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Đạt</b>                             |
|                                                                                                            | Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hoá nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu Mẫu số 01A - Phạm vi cung cấp hàng hóa (webform trên hệ thống) của E-HSMT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>3. Bảo hành</b>                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                        |
| Thời gian Bảo hành                                                                                         | Có cam kết bảo thời gian bảo hành $\geq 18$ tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Đạt</b>                             |
|                                                                                                            | Không có cam kết hoặc có nhưng thời gian bảo hành $< 18$ tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>Không đạt</b>                       |
| <b>Đánh giá</b>                                                                                            | Đạt tất cả các nội dung 1, 2, 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Đạt</b>                             |
|                                                                                                            | Không đạt ít nhất 1 trong 3 nội dung trên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Không đạt</b>                       |

**\* Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:**

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “đạt”. Khi có một tiêu chuẩn cơ bản được đánh giá là “không đạt” thì E-HSMT này được coi là không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật.

**Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

#### 4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 30 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Lưu ý: Tại thời điểm dự thầu, đơn giá hàng hóa nhà thầu chào sẽ được hiểu đã bao gồm mức thuế suất VAT đáp ứng theo yêu cầu của bảng dưới đây (Việc thanh toán thuế VAT sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật tại thời điểm thanh toán):**

| TT | Hạng mục mua sắm  | Đơn vị | Mức thuế suất VAT (%) | Ghi chú |
|----|-------------------|--------|-----------------------|---------|
| 1  | Bút bi xanh       | Cái    | 8%                    |         |
| 2  | Bút bi đen        | Cái    | 8%                    |         |
| 3  | Bút gel nét 0.5mm | Cái    | 8%                    |         |
| 4  | Bút gel ký        | Cái    | 8%                    |         |
| 5  | Bút bi màu đỏ     | Cái    | 8%                    |         |
| 6  | Bút ký màu xanh   | Cái    | 8%                    |         |
| 7  | Bút ký màu đỏ     | cái    | 8%                    |         |
| 8  | Bút xóa           | Cái    | 8%                    |         |
| 9  | Bút xoá băng      | cái    | 8%                    |         |
| 10 | Bút dấu dòng      | Cái    | 8%                    |         |
| 11 | Bút dạ bảng       | Cái    | 8%                    |         |
| 12 | Bút dạ dầu        | cái    | 8%                    |         |
| 13 | Bút chì           | Cái    | 8%                    |         |
| 14 | Bút dạ kính       | Cái    | 8%                    |         |
| 15 | Bìa màu A4        | tập    | 8%                    |         |
| 16 | Bìa màu A3        | tập    | 8%                    |         |

---

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

| TT | Hạng mục mua sắm         | Đơn vị | Mức thuế suất VAT (%) | Ghi chú |
|----|--------------------------|--------|-----------------------|---------|
| 17 | Bìa Mica A4              | tập    | 8%                    |         |
| 18 | Băng dính si dán gáy 5cm | Cuộn   | 8%                    |         |
| 19 | Băng dính trong to 180Y  | Cuộn   | 8%                    |         |
| 20 | Băng dính trong nhỏ      | Cuộn   | 8%                    |         |
| 21 | Băng dính hai mặt 2cm    | cuộn   | 8%                    |         |
| 22 | Băng dính giấy           | cuộn   | 8%                    |         |
| 23 | Băng dính điện           | cuộn   | 8%                    |         |
| 24 | Bàn phím máy tính        | Cái    | 8%                    |         |
| 25 | Cặp trình ký màu nâu     | Cái    | 8%                    |         |
| 26 | Cặp trình ký màu xanh    | Cái    | 8%                    |         |
| 27 | Cặp trình ký màu đỏ      | Cái    | 8%                    |         |
| 28 | Cặp trình ký màu đen     | Cái    | 8%                    |         |
| 29 | Cặp hộp 7cm              | Cái    | 8%                    |         |
| 30 | Cặp hộp 10cm             | Cái    | 8%                    |         |
| 31 | Cặp hộp nhựa 10cm        | cái    | 8%                    |         |
| 32 | Cặp hộp 15cm             | Cái    | 8%                    |         |
| 33 | Cặp hộp 20cm             | Cái    | 8%                    |         |
| 34 | Cặp hộp 30cm             | Cái    | 8%                    |         |
| 35 | Cặp 3 dây giấy           | cái    | 8%                    |         |
| 36 | Cặp cào cua (7 cm)       | Cái    | 8%                    |         |
| 37 | Cặp cào cua (9cm)        | cái    | 8%                    |         |
| 38 | Chổi lau nhà             | Cái    | 8%                    |         |
| 39 | Chổi nhựa                | Cái    | 8%                    |         |
| 40 | Chổi cọ                  | Cái    | 8%                    |         |
| 41 | Chổi lông quét bàn       | Cái    | 8%                    |         |
| 42 | Chổi quét trần           | Cái    | 8%                    |         |

| <b>TT</b> | <b>Hạng mục mua sắm</b>     | <b>Đơn vị</b> | <b>Mức thuế suất VAT (%)</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-----------------------------|---------------|------------------------------|----------------|
| 43        | Chậu nhựa nhỏ               | Cái           | 8%                           |                |
| 44        | Chuột máy tính có dây       | Cái           | 8%                           |                |
| 45        | Bộ bàn phím chuột không dây | Bộ            | 8%                           |                |
| 46        | Dao dọc giấy                | Cái           | 8%                           |                |
| 47        | Giấy in A4                  | ream          | 8%                           |                |
| 48        | Giấy in A3                  | ream          | 8%                           |                |
| 49        | Giấy in A5                  | ream          | 8%                           |                |
| 50        | Giấy màu                    | ream          | 8%                           |                |
| 51        | Ghim cài                    | Hộp           | 8%                           |                |
| 52        | Ghim dập tiêu               | Hộp           | 8%                           |                |
| 53        | Ghim dập trung              | Hộp           | 8%                           |                |
| 54        | Ghim dập đại                | Hộp           | 8%                           |                |
| 55        | Giấy nhó 3x3                | Tập           | 8%                           |                |
| 56        | Giấy chia file              | tập           | 8%                           |                |
| 57        | Giấy nhớ mũi tên nhiều màu  | tập           | 8%                           |                |
| 58        | Giá để tài liệu             | Cái           | 8%                           |                |
| 59        | Gọt bút chì                 | Cái           | 8%                           |                |
| 60        | Hồ dán nước                 | lọ            | 8%                           |                |
| 61        | Hồ dán khô                  | lọ            | 8%                           |                |
| 62        | Kéo văn phòng               | Cái           | 8%                           |                |
| 63        | Kẹp sắt màu đen 15mm        | Hộp           | 8%                           |                |
| 64        | Kẹp sắt màu đen 19mm        | Hộp           | 8%                           |                |
| 65        | Kẹp sắt màu đen 32mm        | Hộp           | 8%                           |                |
| 66        | Kẹp sắt màu đen 41mm        | hộp           | 8%                           |                |
| 67        | Kẹp sắt màu đen 51mm        | Hộp           | 8%                           |                |
| 68        | Kẹp sắt                     | cái           | 8%                           |                |

| <b>TT</b> | <b>Hạng mục mua sắm</b>                             | <b>Đơn vị</b> | <b>Mức thuế suất VAT (%)</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------|---------------|------------------------------|----------------|
| 69        | Keo Silicon                                         | lọ            | 8%                           |                |
| 70        | Khăn lau                                            | Cái           | 8%                           |                |
| 71        | Lạt nhựa loại nhỏ                                   | Túi           | 8%                           |                |
| 72        | Lạt nhựa loại to                                    | Túi           | 8%                           |                |
| 73        | Hộp mực máy in HP Laser Jet Pro M402dn              | Hộp           | 8%                           |                |
| 74        | Hộp mực máy in HP Laser Jet Pro M404dn (không chip) | Hộp           | 8%                           |                |
| 75        | Hộp mực máy in HP 4003dw (không chip)               | Hộp           | 8%                           |                |
| 76        | Hộp mực máy in HP 1020                              | Hộp           | 8%                           |                |
| 77        | Hộp mực máy in Canon LBP 2900                       | Hộp           | 8%                           |                |
| 78        | Hộp mực máy in Canon LBP 3300                       | Hộp           | 8%                           |                |
| 79        | Hộp mực máy in Canon LBP 6230DN                     | hộp           | 8%                           |                |
| 80        | Hộp mực máy in Canon LBP 223dw                      | Hộp           | 8%                           |                |
| 81        | Hộp mực máy in Canon LBP 226dw                      | hộp           | 8%                           |                |
| 82        | Hộp mực máy in Canon LBP 233dw                      | hộp           | 8%                           |                |
| 83        | Hộp mực máy in Canon LBP 246dw                      | hộp           | 8%                           |                |
| 84        | Hộp mực máy in Canon LBP 252dw                      | Hộp           | 8%                           |                |
| 85        | Hộp mực máy in Canon LBP 236dw                      | Hộp           | 8%                           |                |
| 86        | Hộp mực máy in Canon LBP 6030                       | Hộp           | 8%                           |                |
| 87        | Hộp mực máy in HP 5200                              | Hộp           | 8%                           |                |
| 88        | Hộp mực máy in HP 700M712                           | Hộp           | 8%                           |                |
| 89        | Hộp mực máy in HP 403dn                             | Hộp           | 8%                           |                |
| 90        | Hộp mực máy in Canon MF241d                         | Hộp           | 8%                           |                |
| 91        | Hộp mực máy in HP 706n                              | Hộp           | 8%                           |                |
| 92        | Hộp mực máy in Canon LBP 3500                       | Hộp           | 8%                           |                |
| 93        | Hộp mực máy in Canon LBP 214dw                      | Hộp           | 8%                           |                |
| 94        | Hộp mực máy in Canon LBP 251DW                      | Hộp           | 8%                           |                |

| TT  | Hạng mục mua sắm                      | Đơn vị | Mức thuế suất VAT (%) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|--------|-----------------------|---------|
| 95  | Hộp mực máy in Canon LBP 3050         | Hộp    | 8%                    |         |
| 96  | Hộp mực máy in Canon LBP 8100n        | 0      | 8%                    |         |
| 97  | Hộp mực máy in HP 2015                | hộp    | 8%                    |         |
| 98  | Hộp mực máy in HP 201                 | Hộp    | 8%                    |         |
| 99  | Hộp mực máy in Brother 2321           | hộp    | 8%                    |         |
| 100 | Hộp mực máy in A3 HP laserJet 5200dtn | hộp    | 8%                    |         |
| 101 | Hộp mực máy in A3 LBP3500             | Hộp    | 8%                    |         |
| 102 | Hộp mực máy in A3 Laser Jet Pro M706n | Hộp    | 8%                    |         |
| 103 | Hộp bút nhiều ngăn                    | cái    | 8%                    |         |
| 104 | Máy dập ghim tiêu                     | Cái    | 8%                    |         |
| 105 | Máy dập ghim trung                    | Cái    | 8%                    |         |
| 106 | Máy dập ghim đại                      | Cái    | 8%                    |         |
| 107 | Máy đục lỗ tài liệu                   | Cái    | 8%                    |         |
| 108 | Máy tính cầm tay                      | Cái    | 8%                    |         |
| 109 | Nhãn in Tze-231                       | Hộp    | 8%                    |         |
| 110 | Nhãn in Tze-251                       | Hộp    | 8%                    |         |
| 111 | Nhỏ ghim                              | cái    | 8%                    |         |
| 112 | Nước lau sàn                          | Chai   | 8%                    |         |
| 113 | Nước rửa chén                         | Chai   | 8%                    |         |
| 114 | Nước sệt kính                         | Chai   | 8%                    |         |
| 115 | Ổ cắm                                 | Cái    | 8%                    |         |
| 116 | Pin tiêu                              | Đôi    | 8%                    |         |
| 117 | Pin đũa (pin điều hòa)                | Đôi    | 8%                    |         |
| 118 | Pin CR2032                            | đôi    | 8%                    |         |
| 119 | Pin CP123A                            | đôi    | 8%                    |         |
| 120 | Pin maxell AA                         | Đôi    | 8%                    |         |

| TT  | Hạng mục mua sắm       | Đơn vị | Mức thuế suất VAT (%) | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------|-----------------------|---------|
| 121 | Pin AAA                | Đôi    | 8%                    |         |
| 122 | Pin CR2025 (3V)        | Đôi    | 8%                    |         |
| 123 | Pin vuông 9V           | Quả    | 8%                    |         |
| 124 | Phong bì bưu điện      | Cái    | 8%                    |         |
| 125 | Sổ A2 - K9             | Quyển  | 8%                    |         |
| 126 | Sổ da A4               | Quyển  | 8%                    |         |
| 127 | Sổ da A4 300t          | Quyển  | 8%                    |         |
| 128 | Sổ da A5 300t          | Quyển  | 8%                    |         |
| 129 | Sổ da A5               | Quyển  | 8%                    |         |
| 130 | Túi cúc                | Cái    | 8%                    |         |
| 131 | Tẩy bút chì            | Cái    | 8%                    |         |
| 132 | Thước kẻ               | Cái    | 8%                    |         |
| 133 | Thước dây 5m           | Cái    | 8%                    |         |
| 134 | Thước Panme            | cái    | 8%                    |         |
| 135 | Thùng đựng rác loại to | Cái    | 8%                    |         |
| 136 | Thùng nhựa             | chiếc  | 8%                    |         |
| 137 | Đĩa trắng              | Cái    | 8%                    |         |
| 138 | USB 512G               | Cái    | 8%                    |         |
| 139 | Xô đựng nước           | cái    | 8%                    |         |
| 140 | Bột giặt               | túi    | 8%                    |         |